

Bản án số: 74/2018/HS-PT
Ngày 19-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Hoàng M Thịnh

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử kín vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 82/TLPT-HS ngày 22 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Long Văn D do có kháng cáo của bị cáo, bị hại Nông Thị M, đại diện hợp pháp cho bị hại Nông Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo:

Long Văn D, sinh năm 1976, tại: Cao Bằng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 16, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Chỗ ở hiện nay: đội 2, ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; Con ông Long Trung Q, sinh năm 1947 và bà Đoàn Thị M, sinh năm 1952; có vợ là Nông Thị H, sinh năm 1973 và con Nông Long Chương Lý, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2018 cho đến nay. (có mặt)

* Người bị hại: Chị **Nông Thị M**, sinh ngày 27/3/2000, địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, (xin xét xử vắng mặt)

* Người đại diện hợp pháp cho bị hại trong giai đoạn điều tra, truy tố: **Bà Nông Thị H**, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

* Người làm chứng:

Ông Lý Văn H1, sinh năm 1975 (có mặt)

Bà Nông Thị H2 (có mặt)

Cùng trú tại: Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Long Văn D là chồng của bà Nông Thị H, bà H có con riêng là Nông Thị M sinh ngày 27/3/2000, sống cùng nhau tại Đội 2, ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 15/01/2015 (M được 14 tuổi 9 tháng 19 ngày), trong lúc D đang nằm ở võng thì M đến vỗ vào mông của D rồi đi ra khu vực góc bếp đứng. Liên lúc này, D nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với M nên D đi đến chỗ M đang đứng, tụt quần M xuống và thực hiện hành vi quan hệ tình dục (giao cấu) với M; trong lúc đang quan hệ tình dục thì mẹ ruột của M là Nông Thị H đi về phát hiện và nói "Bố con mày giỏi nhỉ" và đòi tự tử thì D không quan hệ tình dục với M nữa và bỏ đi ra ngoài, sau đó đi làm thuê ở tỉnh Đắk Nông. Đến khoảng 15 giờ 00 một ngày đầu tháng 02/2015, D đi làm trên Đắk Nông về nhà, trong lúc chỉ có D và M ở nhà thì M tiếp tục vỗ mông D nên D dùng tay ôm M, dắt M vào giường tại nhà thực hiện hành vi quan hệ tình dục với M. Sau thời điểm này, khoảng một tuần đến mười ngày, D và M lại quan hệ tình dục với nhau một lần tại giường của M, thời điểm quan hệ tình dục là từ khoảng 22 giờ 00 đến 23 giờ 00.

Ngày 06/12/2017, M đã tố cáo hành vi của D đến Công an xã T. Cùng ngày, Công an xã T đã báo cáo, chuyển giao Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ thụ lý theo thẩm quyền.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 323 ngày 08/12/2017 của Trung tâm giám định y khoa - pháp y, Sở y tế tỉnh Bình Phước đối với Nông Thị M, kết luận: Màng trinh giãn đường kính 2,5cm, có vết rách cũ ở vị trí 3 giờ, 9 giờ đến chân trinh, từ vị trí 4 giờ đến 6 giờ chỉ còn chân trinh, không bầm tím, không xung huyết. Toàn thân không thấy dấu vết tổn thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 0%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước quyết định: Tuyên bố bị cáo Long Văn D phạm tội "Giao cấu với trẻ em".

Căn cứ vào căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; các Điều 38, 50; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Long Văn D 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam là ngày 16/4/2018.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/9/2018 bị cáo Long Văn D kháng cáo kêu oan.

Ngày 21/9/2018 bị hại Nông Thị M kháng cáo kêu oan cho bị cáo

Ngày 21/9/2018 đại diện hợp pháp của bị hại Nông Thị M, bà Nông Thị H kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Long Văn D kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng những lời khai trước đây tại cơ quan điều tra do bị cáo tự nghĩ ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền kháng cáo của bà Nông Thị H là người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa chính xác. Bởi thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm bị hại M đã đủ tuổi trưởng thành, đã tự quyết định việc kháng cáo của mình theo đúng quy định của pháp luật và bà H chỉ là người làm chứng trong vụ án nhưng cấp sơ thẩm lại chấp nhận đơn kháng cáo của bà H là không đúng.

Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo D không thừa nhận hành vi giao cấu với cháu Nông Thị M như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên xét lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra truy tố, lời khai của người bị hại Nông Thị M và người làm chứng bà Nông Thị H đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và cách thức mà bị cáo thực hiện hành vi giao cấu với người bị hại. Do vậy, kháng cáo của bị cáo, bị hại cho rằng bị cáo D không phạm tội là không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người bị hại giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH1 tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và Tòa án nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng. Do đó, những hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về thời hạn và nội dung kháng cáo: Xét thấy, ngày 11/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ mở pH1 tòa xét xử sơ thẩm và tuyên bản án số 41/2018/HSST. Ngày 17/9/2018 bị cáo có đơn kháng cáo, ngày 21/9/2018 người bị hại chị Nông Thị M và bà Nông Thị H đều có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng bị cáo không quan hệ tình dục với M như bị cáo, chị M và bà H đã khai trước đây nên bị cáo không phạm

tội. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo và bị hại chị M là những người có quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng bởi quyết định của bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của những người này nộp đúng thời hạn pháp luật quy định nên đủ điều kiện để được Hội đồng xét xử xem xét tại cấp phúc thẩm.

Về tư cách tham gia tố tụng của bà H, trong giai đoạn điều tra, truy tố do chị M chưa đủ tuổi thành niên nên bà H tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp của người bị hại. Tuy nhiên, từ thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm đến nay chị M đã đủ tuổi trưởng thành, chị M đã tự quyết định được việc kháng cáo của mình theo đúng quy định của pháp luật và bà H chỉ là người làm chứng trong vụ án nhưng cấp sơ thẩm lại chấp nhận đơn kháng cáo của bà H là không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người bị hại chị Nông Thị M về việc đương sự cho rằng bị cáo không quan hệ tình dục với bị hại Nông Thị M nên không phạm tội “Giao cấu với trẻ em”, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại đều trình bày những người này không bị cán bộ điều tra hay người khác đánh đập, đe dọa dùng vũ lực hoặc có hành vi khác nhằm ép buộc bị cáo, ép buộc bị hại, ép buộc người đại diện hợp pháp của bị hại phải trình bày lời khai theo hướng dẫn của người khác, hoặc trình bày lời khai không đúng với sự tự nguyện của mình. Ngoài ra, cả bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp bị hại đều xác nhận trước khi được cán bộ triệu tập lấy lời khai thì giữa bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không có sự bàn bạc, thống nhất với nhau về những tình tiết liên quan đến vụ án mà mình sẽ trình bày với cán bộ điều tra. Điều này cũng phù hợp với những đoạn ghi âm, ghi hình trong các lần Cơ quan điều tra tiến hành ghi lời khai của bị cáo, người bị hại thể hiện những người này không bị ai ép cung, dùng nhục hình để trình bày lời khai trái với ý muốn của mình.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù không bàn bạc, thống nhất từ trước, không bị người tiến hành tố tụng ép cung, dùng nhục hình nhưng trong suốt quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo, bị hại, người làm chứng đều trình bày những tình tiết hoàn toàn phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức mà bị cáo thực hiện hành vi giao cấu với người bị hại khi người bị hại chưa đủ 16 tuổi cho tới khi bị cáo bị tố cáo. Việc bị cáo cho rằng bị cáo bị anh Nông Văn H1 thù ghét nên xúi giục người bị hại tố cáo mình để trả thù nhưng xét chính bị cáo cũng thừa nhận giữa bị cáo và anh Nông Văn H1 không có mâu thuẫn gì nên lời trình bày trên của bị cáo là không có căn cứ. Từ những lời khai phù hợp giữa bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác và kết luận giám định pháp y về tình dục, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do có quan hệ là cha dượng (người bị hại là con riêng của vợ bị cáo) và sống cùng nhà, từ ngày 15/01/2015 (thời điểm này người bị hại Nông Thị M mới 14 tuổi 9 tháng 19 ngày) đến ngày 01/12/2017, được sự đồng ý của Nông Thị M- sinh ngày 27/3/2000 Long Văn D đã nhiều lần (khoảng 30 lần) có hành vi quan hệ tình dục (giao cấu) với Nông Thị M trong khoảng thời gian 22 giờ đến 23 giờ với khoảng cách giữa các lần quan hệ tình

dục là từ 07 ngày đến 10 ngày/01 lần tại nhà của mình ở ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Hành vi của bị cáo Long Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với trẻ em” quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 với tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Do đó, Tòa án cấp tuyên bố bị cáo phạm tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của trẻ em, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của người chưa thành niên là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ; ngoài ra hành vi của bị cáo còn vi phạm nghiêm trọng đạo đức, chuẩn mực xã hội. Trong quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ và làm chủ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử bị cáo với mức án nghiêm khắc để phát huy tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Mức án 06 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt. Hơn nữa bị cáo và người bị hại cũng không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên cần giữ nguyên mức án này.

Ngoài ra, xét tại cấp sơ thẩm bị cáo có khai nhiều lần xin bà H cho bị cáo được quan hệ tình dục với bị hại M và được bà H đồng ý. Song cấp sơ thẩm không xác M làm rõ vấn đề này là có thiếu sót. Tuy nhiên cấp phúc thẩm đã khắc phục được việc này, tại phiên tòa phúc thẩm bà H không thừa nhận và cũng không có căn cứ chứng M có việc bị cáo xin cho quan hệ tình dục được bà H đồng ý nên cấp phúc thẩm không lấy lý do chưa xem xét làm rõ này làm căn cứ hủy án.

[2]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Long Văn D.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nông Thị M

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng vào điểm a, khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; các Điều 50, 38; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi

bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Long Văn D 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2018.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nông Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- Viện kiểm sát, TAND huyện Đ (2)
- Chi cục Thi hành án huyện Đ; (1)
- Công an huyện Đ; (1)
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo (1)
- Người tham gia tố tụng; (2)
- Tổ NV; Lưu hồ sơ. (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PH1 TOÀ**

Đinh Thị Quý Chi